

DANH SÁCH ÔN THI B NGOẠI NGỮ

LỚP A; ÔN TỐI THỨ BẢY, NGÀY 12/01/2019

Thời gian ôn từ 16h00 đến 21h00

1	16002582	Dương Mai	Anh	Nữ	02/04/1996	CNMN-K2B.3	
2	16002753	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	25/09/1993	CNMN-K2B.3	
3	16002756	Phạm Thị Xuân	Nữ	Nữ	26/03/1984	CNMN-K2B.3	
4	16002758	Hà Thị Kim	Phụng	Nữ	31/03/1982	CNMN-K2B.3	
5	16002646	Nguyễn Nữ Vũ	Thanh	Nữ	03/05/1996	CNMN-K2B.3	
6	16002696	Trần Thị Trúc	Thị 95	Nữ	11/12/1995	CNMN-K2B.3	
7	16002698	Nguyễn Thị Anh	Thư 94	Nữ	27/12/1994	CNMN-K2B.3	
8	16002705	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	09/11/1995	CNMN-K2B.3	
9	16002706	Trần Thị Hồng	Thúy	Nữ	26/05/1994	CNMN-K2B.3	
10	16002710	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	25/12/1995	CNMN-K2B.3	
11	16002712	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	16/09/1996	CNMN-K2B.3	
12	16002713	Nguyễn Thị Tú	Trâm	Nữ	06/07/1993	CNMN-K2B.3	
13	16002716	Huỳnh Thị Diễm	Trang	Nữ	30/01/1995	CNMN-K2B.3	
14	16002729	Hồ Thanh	Trúc	Nữ	29/12/1996	CNMN-K2B.3	
15	16002730	Nguyễn Thị Phương	Trúc	Nữ	17/06/1905	CNMN-K2B.3	
16	16002598	Đặng Thị Thu	Hiền	Nữ	08/10/1994	CNMN-K2C.3	
17	16002608	Trần Thị	Lan	Nữ	12/01/1983	CNMN-K2C.3	
18	16002623	Hà Nguyễn Đài	Nguyên	Nữ	14/03/1984	CNMN-K2C.3	
19	16002626	Nguyễn Thị Ý	Nhi	Nữ	16/07/1995	CNMN-K2C.3	
20	16002649	Đỗ Thị	Thảo	Nữ	21/02/1990	CNMN-K2C.3	
21	16002652	Lê Thị Anh	Thế	Nữ	08/10/1981	CNMN-K2C.3	
22	16002684	Nguyễn Thị	Ứng	Nữ	15/10/1981	CNMN-K2C.3	
23	18004233	Nguyễn Thụy Thùy	Linh	Nữ	24/02/1998	CNTH DD K4.1	
24	18004197	Nguyễn Lê Mỹ	Ngọc	Nữ	04/08/1997	CNTH DD K4.1	
25	17003969	Châu Yến	Nhi	Nữ	28/02/1997	CNTHĐD K3.1	
26	17003994	Trần Lưu	Nữ	Nữ	04/10/1989	CNTHĐD K3.1	
27	16002826	Phan Thụy Quỳnh	Mai	Nữ	01/10/1996	CNTH-DD2.1	
28	16002878	Đặng Anh	Tuấn	Nam	11/11/1994	CNTH-DD2.1	
29	15001414	Đỗ Phương	Chi	Nữ	07/11/1997	T15B-ĐD-2N-H01B	
30	16002039	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	13/10/1994	T16B-H01A	

31	16002432	Thịnh Thị	Thanh	Nữ	30/10/1997	T16B-H01C	
32	17003061	Trần Minh	Chiến	Nam	04/01/1997	T17A-H01A	
33	17003457	Đoàn Thị Kim Ngọc	Huyền	Nữ	09/05/1999	T17A-H01A	
34	17003080	Nguyễn Tấn	Khang	Nam	15/08/2097	T17A-H01A	
35	17003430	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	27/06/1999	T17A-H01A	
36	17003427	Lê Ngọc Anh	Thư	Nữ	04/12/1999	T17A-H01A	
37	17003072	Trương Thị Thu	Thủy	Nữ	20/09/1990	T17A-H01A	
38	17003022	Mai Phạm Minh	Hằng	Nữ	23/05/1998	T17A-N01A	
39	17003082	Nguyễn Thị	Lân	Nữ	15/10/1996	T17A-N01A	
40	17003026	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	20/04/1998	T17A-N01A	
41	17003025	Trần Thị Ngọc	Yến	Nữ	26/07/1998	T17A-N01A	
42	17003491	Huỳnh Đăng Quế	Trân	Nữ	05/09/1999	T17A-N01B	
43	17003479	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	11/08/1999	T17A-N01B	
44	17003412	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	Nữ	18/08/1999	T17B-H01A	
45	17003148	Lê Trương Hồng	Phúc	Nữ	15/06/1996	T17B-H01A	
46	17003631	Trần Thị Hoàng	Anh	Nữ	20/01/1988	T17B-H01B	

DANH SÁCH ÔN THI B NGOẠI NGỮ
LỚP B; ÔN SÁNG CHỦ NHẬT, NGÀY 13/01/2019
Thời gian ôn từ 8h00 đến 11h00

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
1	17003204	Nguyễn Ngọc	Diễm	Nữ	10/10/1999	T17B-H01B	
2	17003249	Nguyễn Thị Kim	Duyên	Nữ	20/05/1999	T17B-H01B	
3	17003638	Nguyễn Lê Diễm	Hương	Nữ	1984	T17B-H01B	
4	17003278	Liêu Thị Kim	Ngân	Nữ	14/07/1999	T17B-H01B	
5	18000016	Nguyễn Thị Phúc	Nguyên	Nữ	20/08/1996	T17B-H01B	
6	18000026	Đinh Huỳnh Nữ Ý	Nhi	Nữ	27/01/1989	T17B-H01B	
7	17003219	Hà Thị Ngọc	Nhi	Nữ	01/10/1999	T17B-H01B	
8	18000021	Huỳnh Kim	Trang	Nữ	20/08/1999	T17B-H01B	
9	17003535	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	20/11/1997	T17B-H01B	
10	17003326	Đinh Thị Yên	Ngọc	Nữ	14/03/1999	T17B-N01A	
11	17003258	Hồ Hồng	Ngọc	Nữ	03/10/1999	T17B-N01A	
12	17003257	Lê Bích	Ngọc	Nữ	10/11/1999	T17B-N01A	
13	17003073	Nguyễn Thị Mai	Thảo	Nữ	28/12/1993	T17B-N01A	
14	17003566	Trần Thị Thúy	Tiền	Nữ	16/07/1999	T17B-N01A	
15	18000024	Nguyễn Ngọc	Ân	Nữ	01/05/1993	T17B-N01B	
16	17003407	Nguyễn Thị Hiền	Hậu	Nữ	14/04/1999	T17B-N01B	
17	17003409	Võ Thị Mỹ	Hoa	Nữ	20/04/1999	T17B-N01B	
18	17003345	Dương Yến	Linh	Nữ	10/04/1998	T17B-N01B	
19	17003330	Prum Thị Mỹ	Linh	Nữ	25/09/1999	T17B-N01B	
20	17003351	Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	12/01/1998	T17B-N01B	
21	18000023	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	08/03/1994	T17B-N01B	
22	17003344	Đặng Thị Mỹ	Tho	Nữ	11/10/1998	T17B-N01B	
23	17003368	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trinh	Nữ	28/01/1999	T17B-N01B	
24	17003397	Huỳnh Thái Ngọc	Vân	Nữ	13/06/1998	T17B-N01B	
25	17003649	Nguyễn Vương Ngọc	Vy	Nữ	08/09/1996	T17B-N01B	
26	18004014	Nguyễn Thị Xuân	Huyền	Nữ	14/05/2000	T18A-H01A	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
27	18004008	Phạm Thị Cẩm	Tiên	Nữ	13/05/2000	T18A-H01A	
28	18004000	Huỳnh Ngọc	Tuyết	Nữ	22/03/2000	T18A-H01A	
29	18004001	Phạm Thị Oanh	Yến	Nữ	10/11/2000	T18A-H01A	
30	17003377	Đông Thị Xuân	Bình	Nữ	09/10/1999	T18A-N01A	
31	18000050	Trần Thị	Dung	Nữ	13/01/1982	T18A-N01A	
32	18004066	Trần Thị Mỹ	Hằng	Nữ	10/08/2000	T18A-N01A	
33	18000064	Trần Thoại	Hiền	Nữ	30/01/1999	T18A-N01A	
34	18004019	Võ Thị Phương	Thảo	Nữ	04/03/2000	T18A-N01A	
35	18004007	Phạm Thị Thu	Trúc	Nữ	18/05/2000	T18A-N01A	
36	15.03650	Trần Thị Quỳnh	Giang	Nữ	18/11/1999		